



**ÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 43
8. Phụ lục	44 - 46

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex (tiền thân là Công ty TNHH Camimex) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 33/3 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Chế biến thủy sản các loại;
- Nuôi tôm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Xuất khẩu nông sản thực phẩm;
- Xuất nhập khẩu thủy sản các loại;
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2020
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Bùi Đức Cường – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 03/UQ/HĐQT/CMC.2022 ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Sĩ Tuấn
Chủ tịch

Ngày 27 tháng 8 năm 2022

11/11/2022 10:00:00 AM

Số: 4.0243/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ**Nguyễn Quốc Ngữ - Phó Giám đốc**
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.981.390.838.636	1.353.778.364.639
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.707.784.995	24.211.188.640
1. Tiền	111	V.1	10.707.784.995	24.211.188.640
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	200.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		727.228.354.485	471.141.479.294
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	494.587.073.606	426.439.046.416
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	223.371.128.682	40.763.655.307
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.152.448.697	4.821.074.071
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(882.296.500)	(882.296.500)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.032.273.966.858	851.128.429.187
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.073.489.641.446	890.485.276.570
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(41.215.674.588)	(39.356.847.383)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.180.732.298	7.297.267.518
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.309.374.900	786.038.628
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.959.298.888	3.574.714.548
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	2.912.058.510	2.936.514.342
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		512.685.194.280	568.000.782.739
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.380.000.000	7.618.672.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.380.000.000	7.618.672.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		369.599.734.657	409.232.577.876
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	304.958.550.819	295.312.653.912
- Nguyên giá	222		534.891.037.710	503.941.935.328
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.932.486.891)	(208.629.281.416)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	17.870.636.054	22.338.803.006
- Nguyên giá	225		45.424.320.258	45.424.320.258
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(27.553.684.204)	(23.085.517.252)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	46.770.547.784	91.581.120.958
- Nguyên giá	228		64.688.899.986	112.989.412.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.918.352.202)	(21.408.292.028)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		64.769.053.412	80.762.522.833
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	64.769.053.412	80.762.522.833
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		55.000.000.000	55.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	50.000.000.000	50.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.936.406.211	15.387.010.030
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	14.770.279.587	15.220.883.406
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	166.126.624	166.126.624
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.494.076.032.916	1.921.779.147.378

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.372.643.807.463	1.049.806.844.244
I. Nợ ngắn hạn	310		1.348.817.363.195	924.729.188.426
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	214.391.398.640	177.745.007.122
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	167.539.048.478	153.901.872.999
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	14.100.771.246	11.871.589.985
4. Phải trả người lao động	314	V.17	11.606.868.471	7.647.145.753
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	4.687.392.591	4.479.548.719
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	35.848.593.047	16.077.687.890
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	899.762.790.722	552.126.335.958
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	880.500.000	880.000.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		23.826.444.268	125.077.655.818
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	23.826.444.268	125.077.655.818
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.121.432.225.453	871.972.303.134
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.121.432.225.453	871.972.303.134
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a	630.000.000.000	630.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		630.000.000.000	630.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	6.800.000.000	6.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	272.654.633.085	223.377.239.521
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		210.574.817.275	223.377.239.521
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		62.079.815.810	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22a	211.977.592.368	11.795.063.613
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.494.076.032.916	1.921.779.147.378

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2022



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.295.911.956.968	869.565.765.757
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	13.590.031.957	2.032.506.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.282.321.925.011	867.533.259.757
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.103.493.367.669	762.654.500.832
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		178.828.557.342	104.878.758.925
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	18.779.972.348	3.644.360.442
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	44.160.598.062	25.219.104.554
Trong đó: chi phí lãi vay	23		21.254.994.051	22.424.118.741
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	61.230.099.893	35.873.825.206
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	22.334.143.338	20.111.443.099
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.883.688.397	27.318.746.508
12. Thu nhập khác	31	VI.8	5.446.122.512	11.610.318.866
13. Chi phí khác	32	VI.9	4.567.538.480	6.157.463.709
14. Lợi nhuận khác	40		878.584.032	5.452.855.157
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.762.272.429	32.771.601.665
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	8.499.927.864	5.581.987.769
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(26.152.356)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>62.262.344.565</u>	<u>27.215.766.252</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		62.079.815.810	27.132.288.708
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		182.528.755	83.477.544
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	<u>985</u>	<u>431</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	<u>985</u>	<u>431</u>

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2022



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng




Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70.762.272.429	32.771.601.665
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	27.419.064.281	26.590.797.499
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.7	1.858.827.205	882.296.500
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(1.294.551.257)	(666.722.272)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(5.264.083.735)	(904.797.443)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	21.254.994.051	22.424.118.741
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		114.736.522.974	81.097.294.690
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(334.164.032.360)	(143.928.166.837)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(183.004.364.876)	53.614.877.725
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		134.177.112.759	(16.183.158.607)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(72.732.453)	3.154.538.061
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(21.047.150.179)	(22.341.166.839)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(5.317.999.376)	(4.621.379.481)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	500.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(294.692.143.511)	(49.307.161.288)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.12	(15.955.632.961)	(33.659.635.570)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	32.885.210.814
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(200.000.000.000)	(9.122.041.931)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200.000.000.000	6.475.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	21.657.534	318.847.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.933.975.427)	(3.102.619.126)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.22a	49.300.513.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b	1.689.619.602.052	1.274.544.979.523
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(1.435.442.762.646)	(1.222.438.819.016)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.20a,b	(7.270.840.447)	(3.608.460.078)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		296.206.511.959	48.497.700.429
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(14.419.606.979)	(3.912.079.985)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24.212.188.855	5.627.858.635
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		915.203.119	66.830.992
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	10.707.784.995	1.782.609.642

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2022




Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng




Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp; kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong kỳ, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Camimex Farm với tỷ lệ góp vốn là 55,19% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty TNHH Camimex Farm là đầu tư dài hạn và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Camimex Organic	ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa	79,21%	79,21%	79,21%	79,21%
Công ty TNHH Camimex Farm	ấp Nam Chánh, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy sản biển và nội địa, lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, xây dựng công trình kỹ thuật,...	55,19%	-	55,19%	-

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 862 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.073 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Phí bảo lãnh vay vốn

Phí bảo lãnh vay vốn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất nhận góp vốn được ghi nhận theo giá trị đánh giá của Hội đồng giao nhận tài sản góp vốn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	76.823.901	2.219.742.555
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.630.961.094	21.991.446.085
Cộng	<u>10.707.784.995</u>	<u>24.211.188.640</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng ⁽ⁱ⁾	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
Dài hạn	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>205.000.000.000</u>	<u>205.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>

⁽ⁱ⁾ Trong đó, Khoản tiền gửi với số dư 20.000.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.20a).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.20b).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 5.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Camimex Foods, chiếm tỷ lệ 16,67% vốn điều lệ của công ty này.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bên liên quan	92.777.670.000	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	92.777.670.000	-
Phải thu các khách hàng khác	401.809.403.606	426.439.046.416
Công ty TNHH Thương mại Thảo Vy Cà Mau	-	49.221.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	-	143.488.800.000
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	199.205.805.600	104.200.000.000
Các khách hàng khác	202.603.598.006	129.529.246.416
Cộng	494.587.073.606	426.439.046.416

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	24.242.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Camimex Group	21.742.000.000	-
Ông Bùi Đức Cường	2.500.000.000	2.500.000.000
Trả trước cho các người bán khác	199.129.128.682	38.263.655.307
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang	31.373.208.800	8.540.620.000
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Recom	47.155.346.319	14.921.277.959
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	65.003.575.166	-
Trạm thu mua nguyên liệu 184	666.727.511	4.874.125.211
Trạm thu mua Nguyên liệu Sinh thái Ngọc Hiền	30.443.929.421	-
Các nhà cung cấp khác	24.486.341.465	9.927.632.137
Cộng	223.371.128.682	40.763.655.307

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng	7.346.164.723	-	3.691.723.691	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	299.013.699	-	194.219.178	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	910.000.000	-
Tiền ứng dịch vụ dự án tôm sinh thái – Phải thu hộ dân	2.210.622.265	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	296.648.010	-	25.131.202	-
Cộng	10.152.448.697	-	4.821.074.071	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức khác</i>						
Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long - Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	739.361.500	-	Trên 03 năm	739.361.500	-
Phải thu tiền bán hàng các tổ chức khác	Từ 02 năm đến trên 03 năm	178.335.000	35.400.000	Từ 02 năm đến trên 03 năm	178.335.000	35.400.000
Cộng		917.696.500	35.400.000		917.696.500	35.400.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	882.296.500	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	882.296.500
Số cuối kỳ	882.296.500	882.296.500

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.324.627.216	-	10.546.456.052	-
Công cụ, dụng cụ	1.623.837.932	-	1.683.291.539	-
Thành phẩm	1.060.541.176.298	(41.215.674.588)	878.255.528.979	(39.356.847.383)
Cộng	1.073.489.641.446	(41.215.674.588)	890.485.276.570	(39.356.847.383)

Một số thành phẩm tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 127.200.000.000 VND (số đầu năm là 276.600.000.000 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	39.356.847.383	36.387.705.279
Trích lập dự phòng bổ sung	1.858.827.205	-
Số cuối kỳ	41.215.674.588	36.387.705.279

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	892.549.175	767.786.660
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	311.166.558	18.251.968
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	105.659.167	-
Cộng	<u>1.309.374.900</u>	<u>786.038.628</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	3.650.878.159	3.858.508.030
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	7.359.621.829	6.437.815.913
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	82.814.506	117.814.504
Phí bảo lãnh vay vốn	337.984.727	398.426.393
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.338.980.366	4.408.318.566
Cộng	<u>14.770.279.587</u>	<u>15.220.883.406</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 186.600.346.909 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	45.424.320.258
Số cuối kỳ	<u>45.424.320.258</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	23.085.517.252
Khấu hao trong kỳ	4.468.166.952
Số cuối kỳ	<u>27.553.684.204</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	22.338.803.006
Số cuối kỳ	<u>17.870.636.054</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	49.300.513.000	62.907.674.178	781.225.808	112.989.412.986
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Giảm khác (*)	(49.300.513.000)	-	-	(49.300.513.000)
Số cuối kỳ	1.000.000.000	62.907.674.178	781.225.808	64.688.899.986
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	331.225.808	331.225.808
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	5.137.631.680	15.726.934.540	543.725.808	21.408.292.028
Khấu hao trong kỳ	-	1.572.691.854	75.000.000	1.647.691.854
Giảm khác (*)	(5.137.631.680)	-	-	(5.137.631.680)
Số cuối kỳ	-	17.299.626.394	618.725.808	17.918.352.202
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	44.162.881.320	47.180.739.638	237.500.000	91.581.120.958
Số cuối kỳ	1.000.000.000	45.608.047.784	162.500.000	46.770.547.784

(*) Giảm do Tập đoàn đã thực hiện thay đổi tài sản góp vốn theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ.CMC.2022 ngày 07/01/2022 của Đại hội đồng cổ đông.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	166.126.624	139.974.268
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	-	26.152.356
Số cuối kỳ	166.126.624	166.126.624

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	46.485.289.209	36.710.582.164
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	10.449.827.017	15.695.041.369
Công ty Cổ phần Camimex Foods	27.921.954.987	5.147.132.051
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	1.018.818.130	1.184.859.192
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	7.094.689.075	14.683.549.552
Phải trả các nhà cung cấp khác	167.906.109.431	141.034.424.958
Hai Yang International Inc	41.892.165.657	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	39.893.013.096	59.637.551.824
Công ty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm	22.979.813.772	32.203.840.392
Công ty TNHH Nền tảng Tài chính số Vina - Chi nhánh Hà Nội	19.446.422.708	-
Các nhà cung cấp khác	43.694.694.198	49.193.032.742
Cộng	214.391.398.640	177.745.007.122

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của bên liên quan	131.972.073.524	151.000.000.000
Công ty Cổ phần Camimex Group	131.972.073.524	151.000.000.000
Trả trước của các khách hàng khác	35.566.974.954	2.901.872.999
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	30.368.910.000	-
Các khách hàng khác	5.198.064.954	2.901.872.999
Cộng	167.539.048.478	153.901.872.999

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.346.938.665	-	409.274.549	(1.370.823.455)	385.389.759	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.784.339.431	-	-	-	2.784.339.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.508.802.120	-	8.499.927.864	(5.317.999.376)	13.690.730.608	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	152.174.911	486.531.559	(462.075.727)	-	127.719.079
Thuế tài nguyên	15.849.200	-	68.742.000	(72.364.400)	12.226.800	-
Các loại thuế khác	-	-	38.293.454	(25.869.375)	12.424.079	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	18.000.000	(18.000.000)	-	-
Cộng	11.871.589.985	2.936.514.342	9.520.769.426	(7.267.132.333)	14.100.771.246	2.912.058.510

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Sản xuất giống thủy sản	Không chịu thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	8% và 10%
- Các dịch vụ khác	8% và 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty TNHH Camimex Organic

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex	7.955.248.711	5.464.990.961
Công ty TNHH Camimex Organic	544.679.153	116.996.808
Cộng	8.499.927.864	5.581.987.769

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 4.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Là tiền lương tháng 6 năm 2022 còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>10.305.340.269</i>	-
Công ty Cổ phần Camimex Group - Cổ tức phải trả	9.818.238.584	-
Các cá nhân có liên quan - Cổ tức phải trả	487.101.685	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>25.543.252.778</i>	<i>16.077.687.890</i>
Kinh phí công đoàn	3.482.979.341	3.084.604.497
Bảo hiểm xã hội	2.855.288.124	858.246.732
Nhận ký quỹ ngắn hạn	480.000.000	480.000.000
Cổ tức phải trả	2.497.081.977	-
Coop Basel - Tiền mượn	7.947.312.311	7.779.303.787
Jullia Alex Asianfood - Tiền đặt cọc chuyển không đúng hợp đồng	6.698.967.994	2.903.758.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.581.623.031	971.774.874
Cộng	<u>35.848.593.047</u>	<u>16.077.687.890</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.720.000.000</i>	<i>16.490.081.030</i>
Các cá nhân có liên quan ^(viii)	8.720.000.000	8.720.000.000
Vay Công ty Cổ phần Camimex Group	-	7.770.081.030
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>891.042.790.722</i>	<i>535.636.254.928</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	698.433.648.095	478.918.285.080
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	77.720.786.231	78.762.175.100

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾	28.043.934.854	31.363.117.926
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	181.880.617.810	154.602.231.603
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ^(iv)	130.447.511.775	133.707.882.570
- Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(v)	40.843.270.775	43.281.860.321
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(vi)	34.480.448.540	37.201.017.560
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(vii)	205.017.078.110	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác ^(viii)	34.584.500.000	10.400.000.000
- Vay Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	24.584.500.000	10.400.000.000
- Vay Công ty TNHH Phát triển Vgrowth	10.000.000.000	-
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(viii)	42.950.000.000	30.650.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	4.068.787.000	5.384.168.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	12.331.924.522	10.283.801.848
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	98.673.931.105	-
Cộng	899.762.790.722	552.126.335.958

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex không có tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng.
- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7 và VII.1a).
- (v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1a).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng.
- (vii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi (xem thuyết minh số V.2a).
- (viii) Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Camimex các tổ chức và cá nhân khác không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	478.918.285.080	1.468.583.418.376	-	(1.248.547.299.616)	(520.755.745)	698.433.648.095
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	18.170.081.030	87.086.140.000	-	(70.671.721.030)	-	34.584.500.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	39.370.000.000	125.300.000.000	-	(113.000.000.000)	-	51.670.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.384.168.000	-	1.908.361.000	(3.223.742.000)	-	4.068.787.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	10.283.801.848	-	6.719.022.264	(4.670.899.590)	-	12.331.924.522
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	-	-	98.673.931.105	-	-	98.673.931.105
Cộng	552.126.335.958	1.680.969.558.376	107.301.314.369	(1.440.113.662.236)	(520.755.745)	899.762.790.722

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	668.759.000	1.227.120.000
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	668.759.000	1.227.120.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	5.480.000.000	6.830.000.000
Vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	5.480.000.000	6.830.000.000
Nợ thuê tài chính	17.671.002.437	19.280.114.311
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm	7.545.238.796	12.175.114.311
Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn 05 năm	10.125.763.641	7.105.000.000
Trái phiếu thường dài hạn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	6.682.831	97.740.421.507
Cộng	23.826.444.268	125.077.655.818

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để đầu tư nhà máy xử lý nước thải-1000m³/ngày đêm tại nhà máy xí nghiệp 5 với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, thế chấp hợp đồng tiền gửi và toàn bộ hệ thống xử lý nước thải (xem thuyết minh số V.2a và V.9).
- (iii) Trái phiếu thường của Công ty Cổ phần Camimex và có đảm bảo kỳ hạn 24 tháng, tổng mệnh giá 100.000.000.000 VND với lãi suất 11,25%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Vay dài hạn ngân hàng	1.368.787.000	668.759.000	2.037.546.000
Vay dài hạn tổ chức khác	2.700.000.000	5.480.000.000	8.180.000.000
Nợ thuê tài chính	12.331.924.522	17.671.002.437	30.002.926.959
Trái phiếu thường	98.673.931.105	6.682.831	98.680.613.936
Cộng	115.074.642.627	23.826.444.268	138.901.086.895
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	2.684.168.000	1.227.120.000	3.911.288.000
Vay dài hạn tổ chức khác	2.700.000.000	6.830.000.000	9.530.000.000
Nợ thuê tài chính	10.283.801.848	19.280.114.311	29.563.916.159
Trái phiếu thường	-	97.740.421.507	97.740.421.507
Cộng	15.667.969.848	125.077.655.818	140.745.625.666

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tiền gốc phải trả	12.331.924.522	17.671.002.437	30.002.926.959
Lãi thuê phải trả	2.174.012.607	1.038.455.245	3.212.467.852
Nợ thuê tài chính phải trả	14.505.937.129	18.709.457.682	33.215.394.811
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	10.283.801.848	19.280.114.311	29.563.916.159
Lãi thuê phải trả	2.244.071.868	754.878.170	2.998.950.038
Nợ thuê tài chính phải trả	12.527.873.716	20.034.992.481	32.562.866.197

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	1.227.120.000	-	-	(558.361.000)	668.759.000
Vay dài hạn tổ chức khác	6.830.000.000	-	-	(1.350.000.000)	5.480.000.000
Nợ thuê tài chính	19.280.114.311	7.709.851.247	(2.599.940.857)	(6.719.022.264)	17.671.002.437
Trái phiếu thường	97.740.421.507	940.192.429	-	(98.673.931.105)	6.682.831
Cộng	125.077.655.818	8.650.043.676	(2.599.940.857)	(107.301.314.369)	23.826.444.268

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	880.000.000	980.000.000
Tặng khác (*)	500.000	-
Chi quỹ	-	(100.000.000)
Số cuối kỳ	880.500.000	880.000.000

(*) Tặng do tiền hỗ trợ thuê nhà cho người lao động từ Phòng Lao động và Thương binh và Xã hội tỉnh Cà Mau.

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex Group	483.150.000.000	483.150.000.000
Ông Bùi Sĩ Tuấn	9.860.000.000	10.660.000.000
Các cổ đông khác	136.990.000.000	136.190.000.000
Cộng	630.000.000.000	630.000.000.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.000.000	63.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.000.000	63.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.000.000	63.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.000.000	63.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	63.000.000	63.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã tạm ứng cổ tức năm 2021 cho các cổ đông với số tiền 12.802.422.246 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 2804/ĐHCĐ.2022 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 83.944,54 USD (số đầu năm là 7.615,99 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	82.176.272.169	4.108.239.610
Doanh thu bán thành phẩm	1.213.386.347.648	849.440.189.427
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	349.337.151	16.017.336.720
Cộng	<u>1.295.911.956.968</u>	<u>869.565.765.757</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Camimex Group</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	7.877.806.000	-
Doanh thu gia công	349.337.151	15.890.645.592
<i>Công ty Cổ phần Camimex Foods</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	-	287.007.900
Doanh thu bán thành phẩm	1.570.540.000	2.706.193.200
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vinh Hải</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	-	117.706.782.283
<i>Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	92.777.670.000	50.156.832.079

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú</i> Doanh thu bán thành phẩm	-	57.610.989.068
2. Khoản giảm trừ doanh thu		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	13.492.971.987	1.966.467.600
Giảm giá hàng bán	97.059.970	66.038.400
Cộng	13.590.031.957	2.032.506.000
3. Giá vốn hàng bán		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	77.596.576.614	253.125.453
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.023.743.148.688	748.274.950.197
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	294.815.162	14.126.425.182
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.858.827.205	-
Cộng	1.103.493.367.669	762.654.500.832
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền không kỳ hạn	3.987.832	2.366.132
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	126.452.055	357.684.854
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.354.981.204	2.617.587.184
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.294.551.257	666.722.272
Cộng	18.779.972.348	3.644.360.442
5. Chi phí tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	21.254.994.051	22.424.118.741
Chi phí phát hành trái phiếu	940.192.429	1.132.074.595
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.965.411.582	1.662.911.218
Cộng	44.160.598.062	25.219.104.554
6. Chi phí bán hàng		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.799.341.316	2.135.839.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.000.000	102.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.247.227.786	24.032.279.603

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các chi phí khác	10.081.530.791	9.603.705.998
Cộng	61.230.099.893	35.873.825.206
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.958.802.166	6.345.384.864
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.037.773.858	878.499.009
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.142.095.476	4.123.842.402
Thuế, phí và lệ phí	74.373.435	19.540.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	882.296.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.418.724	122.182.560
Các chi phí khác	10.006.679.679	7.739.697.764
Cộng	22.334.143.338	20.111.443.099
8. Thu nhập khác		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	547.112.589
Tiền bồi thường	-	8.116.224.721
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	2.916.176.606
Thu từ thay đổi tài sản góp vốn từ quyền sử dụng đất sang tiền mặt	5.137.631.680	-
Thu nhập khác	308.490.832	30.804.950
Cộng	5.446.122.512	11.610.318.866
9. Chi phí khác		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hành chính	-	2.100.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	184.461.007	2.092.523
Chi phí phạt chậm nộp lãi vay	61.882.791	24.004.340
Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc	105.808.110	73.300.419
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	2.090.035.554	2.438.374.813
Phí bảo hiểm trả thêm cho hợp đồng mua bán cũ	-	1.838.680.425
Chiết khấu bán nợ	1.085.493.990	-
Chi phí khác	1.039.857.028	1.778.911.189
Cộng	4.567.538.480	6.157.463.709

11/07/2023 H.H.V. OK/AM

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	62.079.815.810	27.132.288.708
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	62.079.815.810	27.132.288.708
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	63.000.000	63.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	985	431

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	63.000.000	63.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	63.000.000	63.000.000

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	957.902.201.904	511.144.100.040
Chi phí nhân công	67.877.312.446	58.819.809.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.419.064.281	26.590.797.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.203.561.165	35.419.274.892
Chi phí khác	27.328.244.811	74.415.270.222
Cộng	1.153.730.384.607	706.389.252.111

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Mua cổ phần từ các cổ đông khác	-	8.100.000.000
Tạm ứng cổ tức	203.619.478	-
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tạm ứng cổ tức	62.996.046	-
Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Bán tài sản được đầu tư từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	32.885.210.814
Tạm ứng cổ tức	220.486.161	-

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên Hội đồng quản trị đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 383.628.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.4, V.19 và V.20a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Camimex:

Kỳ này	Chức danh	Tiền lương	Phụ cấp	Cộng thu nhập
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	117.487.026	24.000.000	141.487.026
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	117.485.402	24.000.000	141.485.402
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên Hội đồng quản trị	-	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	9.733.333	9.733.333

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Phụ cấp	Cộng thu nhập
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	117.488.409	-	117.488.409
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban Ban kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban kiểm soát	-	12.000.000	12.000.000
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	-	6.000.000	6.000.000
Cộng		352.460.837	153.733.333	506.194.170
Kỳ trước				
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	112.010.678	-	112.010.678
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	112.009.838	-	112.009.838
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	112.009.718	-	112.009.718
Cộng		336.030.234	-	336.030.234

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Camimex Group	Công ty mẹ
Công ty TNHH Camimex Organic	Công ty con
Công ty TNHH Camimex Farm	Công ty con
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú	Công ty liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Group		
Nhận chuyển nhượng đất thuê trả tiền thuê đất một lần	21.742.000.000	-
Hoàn trả quyền sử dụng đất đã nhận góp vốn	(49.300.513.000)	-
Nhận góp vốn	49.300.513.000	-
Cho vay không lãi suất	-	(8.925.000.000)
Thu tiền cho vay	-	6.475.000.000
Vay tiền không lãi suất	12.973.140.000	-
Trả tiền vay	(20.743.221.030)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng cổ tức	9.818.238.584	-
Công ty Cổ phần Camimex Logistics		
Chi phí dịch vụ vận chuyển	36.977.903.988	14.504.243.956
Công ty Cổ phần Camimex Foods		
Mua hàng hóa	127.577.273.353	61.708.241.651
Phí hỗ trợ mua tôm nguyên liệu	13.575.040.150	4.935.049.329
Chi phí gia công	6.126.835.358	858.519.740
Vay tiền không lãi suất	74.760.000.000	33.405.000.000
Trả tiền vay	(74.760.000.000)	(34.153.016.141)
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex		
Trả tiền vay	-	(5.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vinh Hải		
Mua hàng hóa	16.170.252.332	107.595.050.803
Vay tiền không lãi suất	-	57.525.000.000
Trả tiền vay	-	(66.717.929.297)
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát		
Chi phí gia công	589.350.600	267.455.900

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.14, V.15, V.19 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nước ngoài	881.815.559.627	560.478.188.105
Trong nước	400.506.365.384	307.055.071.652
Cộng	1.282.321.925.011	867.533.259.757

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2022



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

181
NH
GT
DAN
18
CÁ
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	198.084.697.891	267.225.242.745	37.021.080.696	1.610.913.996	503.941.935.328
Mua trong kỳ	4.908.976.364	500.986.364	-	-	5.409.962.728
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.903.435.102	14.635.704.552	-	-	25.539.139.654
Số cuối kỳ	213.897.109.357	282.361.933.661	37.021.080.696	1.610.913.996	534.891.037.710
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	22.257.537.920	38.759.079.532	4.619.174.423	1.274.813.996	66.910.605.871
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	68.418.062.358	117.920.461.300	20.937.280.440	1.353.477.318	208.629.281.416
Khấu hao trong kỳ	7.610.289.821	11.745.867.017	1.905.638.641	41.409.996	21.303.205.475
Số cuối kỳ	76.028.352.179	129.666.328.317	22.842.919.081	1.394.887.314	229.932.486.891
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	129.666.635.533	149.304.781.445	16.083.800.256	257.436.678	295.312.653.912
Số cuối kỳ	137.868.757.178	152.695.605.344	14.178.161.615	216.026.682	304.958.550.819
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang					
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao máy móc thiết bị góp vốn từ Công ty Cổ phần Camimex Group	7.492.033.611	-	-	-	7.492.033.611
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao chi phí đầu tư xây dựng cơ bản từ Công ty Cổ phần Camimex Group	22.494.312.000	-	-	-	22.494.312.000
- Công trình thiết kế hạng mục Nhà máy xí nghiệp 3- Zone 1 sản xuất Cá Chém	16.314.752.727	-	-	-	16.314.752.727
- Công trình xây dựng khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	7.500.000.000	3.101.944.334	(9.441.594.715)	(177.927.273)	982.422.346
- Công trình san lấp mặt bằng	9.523.619.091	-	-	-	9.523.619.091
- Công trình nhà nuôi tôm	-	5.353.034.322	(2.461.840.387)	(2.891.193.935)	-
- Các công trình khác	17.437.805.404	5.159.812.785	(14.635.704.552)	-	7.961.913.637
Cộng	80.762.522.833	13.614.791.441	(26.539.139.654)	(3.069.121.208)	64.769.053.412

Đơn vị tính: VND

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2022



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Trần Quốc Phong
Người lập

Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Số dư đầu năm trước	630.000.000.000	6.800.000.000	159.656.696.527	11.503.495.384
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	27.132.288.708	83.477.544
Số dư cuối kỳ trước	630.000.000.000	6.800.000.000	186.788.985.235	11.586.972.928
Số dư đầu năm nay	630.000.000.000	6.800.000.000	223.377.239.521	11.795.063.613
Tăng trong kỳ (*)	49.300.513.000	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	62.079.815.810	182.528.755
Giảm trong kỳ (*)	(49.300.513.000)	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh trong kỳ này	-	-	-	200.000.000.000
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	(12.802.422.246)	-
Số dư cuối kỳ này	630.000.000.000	6.800.000.000	272.654.633.085	211.977.592.368
				871.972.303.134
				49.300.513.000
				62.262.344.565
				(49.300.513.000)
				200.000.000.000
				(12.802.422.246)
				1.121.432.225.453

(*) Tập đoàn đã thực hiện thay đổi tài sản góp vốn từ quyền sử dụng đất sang tiền gửi ngân hàng từ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Camimex Group với số tiền 49.300.513.000 VND theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ.CMC.2022 ngày 07/01/2022 của Đại hội đồng cổ đông.

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2022



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Trần Quốc Phong
Người lập





**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn